

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G-TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày 17/9/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đăng Đán và ông Nguyễn Văn T

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường, Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Vũ Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2021, tại Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2020/TLST-DS ngày 02/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST- DS ngày 02/8/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 17d/2021/ QĐST – DS ngày 20/8/2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Địa chỉ Số 169, Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – chức vụ Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Anh T - Giám đốc ngân hàng chính sách xã hội huyện G theo văn bản ủy quyền số 4716/ QĐ - NHCS ngày 25/11/2016 của tổng giám đốc NHCSXH.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Bá Tr – Phó giám đốc NHCSXH huyện G theo văn bản số 275/UQ - NHCS ngày 04/9/2020 của giám đốc phòng giao dịch NHCSXH huyện G. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn I, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Vũ Thị M, sinh năm 1957 (Là vợ ông Đ); Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn I, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Ngân hàng Chính sách xã hội cho ông Nguyễn Văn Đ vay vốn theo sổ vay vốn mã khách hàng 1403130302 hai khoản tiền như sau:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 12/02/2015, ông Đ được vay số tiền 12 triệu đồng thuộc chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường với lãi suất là 0,8%/tháng, thời hạn vay là 56 tháng, hạn trả nợ là ngày 12/10/2019. Đến hạn ông Đ không trả được nợ. Ngày 29/10/2019 ông Đ trả được số tiền gốc là 11.900.000đ. Còn nợ gốc là 100.000đ và tiền lãi. Tính đến thời điểm ngân hàng khởi kiện là

tháng 10/2020 ông Đ nợ lãi là 2.864.658đ. Ngày 13/11/2020 ông Đ đã trả hết gốc và lãi của khoản vay này.

Khoản vay thứ hai: Ngày 24/6/2015, ông Đ được vay số tiền 50 triệu đồng mục đích để tu sửa chuồng trại, nuôi bò nái với lãi suất là 0,66%/ tháng, thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ là ngày 12/6/2020. Đến hạn ông Đ không trả được nợ. Tính đến thời điểm ngân hàng khởi kiện là tháng 10/2020 ông Đ nợ gốc là 50 triệu đồng, lãi là 13.935.740 đồng. Sau đó ông Đ đã trả được tiền gốc 03 lần: Ngày 14/12/2020 ông Đ trả 30 triệu đồng; Ngày 29/01/2021, ông Đ trả 10 triệu đồng; Ngày 02/3/2021 ông Đ trả 9.990.000đ. Hiện tại ông Đ còn nợ tiền gốc là 10 nghìn đồng, lãi tính đến ngày 17/9/2021 là 15.164.656 đồng.

Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu ông Đ phải trả toàn bộ tiền gốc và lãi còn nợ cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản vay. Trường hợp ông Đ không trả được nợ thì bà Vũ Thị M là vợ ông Đ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ có nghĩa vụ trả nợ thay. Ông Đ đề nghị ngân hàng miễn khoản tiền lãi nhưng không có đơn đề nghị. Tháng 9/2020, ngân hàng chính sách xã hội đã có buổi làm việc với các hộ vay vốn tại UBND xã S xác định ông Đ không thuộc diện được miễn tiền lãi. Do vậy không có căn cứ miễn lãi cho ông Đ.

Tại phiên tòa nguyên đơn xác nhận ông Đ sau khi vay khoản tiền 50 triệu đồng đã dùng vào trả nợ cho các hộ như ông Đ trình bày là đúng mà không dùng xây chuồng trại, nuôi bò nái như mục đích vay vốn ban đầu. Bà M và các con ông Đ không biết việc vay này. Ngân hàng không xác định được bà M có ký vào sổ vay vốn hay không.

Bị đơn trình bày: Ông xác định có vay những khoản tiền như ngân hàng chính sách yêu cầu là đúng. Ông được vay tiền là theo chương trình của nhà nước nhưng không mang về nhà cho gia đình mà là trước đây ông làm tổ trưởng ông vay giúp nhiều hộ trong thôn và trong tổ của ông như ông Duẩn, bà Cúc, bà Mi.... nhưng các hộ không trả nợ được nên ông phải trả nợ thay. Ngân hàng cho ông vay để trả vào những khoản vay của các hộ đó chứ không phải ông mang về chi dùng trong gia đình. Ông tự nguyện dùng số tiền 50 triệu đồng đã vay đó để trả nợ giúp các hộ và hiện ông không yêu cầu các hộ có trách nhiệm trả lại cho ông. Nếu có yêu cầu các hộ trả thì ông sẽ liên hệ với họ sau. Ông xác định, ông là người vay nên phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Quá trình từ khi ngân hàng khởi kiện đến tháng 7/2021 ông đã trả nợ được nhiều lần, đã trả xong toàn bộ khoản vay thứ nhất, hiện còn nợ gốc là 10 nghìn đồng và lãi là 15.164.656 đồng của khoản vay thứ 2. Quan điểm của ông là hiện hoàn cảnh khó khăn, ốm đau, bệnh tật nhiều năm nên không có khả năng trả nợ lãi, chỉ trả tiền gốc. Ông đề nghị ngân hàng miễn lãi cho ông. Ông trình bày anh T giám đốc ngân hàng chính sách xã hội huyện G nói với ông là ông cố gắng trả hết tiền gốc còn nợ, ngân hàng sẽ miễn cho ông số tiền lãi nhưng không có bằng chứng giao nộp cho Tòa án. Nay ngân hàng yêu cầu ông trả gốc 10 nghìn đồng và lãi, ông trình bày có khả năng trả lãi nhưng ông không đồng ý trả vì anh T nói miễn lãi cho ông.

Ông xác định vợ và các con ông không biết khoản vay đó nên không có nghĩa vụ trả nợ. Chữ ký “M” trong sổ vay vốn mã số khách hàng 1403130302 là của ông ký thay bà M.

Người liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng đã trình bày: Bà là vợ ông Đ nhưng bà không biết ông Đ vay tiền của ngân hàng chính sách xã hội. Bà và các con không liên quan đến khoản vay của ông Đ, bà không ký hợp đồng vay tại ngân hàng cùng ông Đ nên không yêu cầu giám định chữ ký. Bà đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện miễn khoản tiền lãi cho ông Đ vì hiện ông Đ ốm đau, bệnh tật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Người liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476, 478 luật dân sự năm 2005; Điều 91 luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ phải trả ngân hàng chính sách xã hội khoản tiền gốc vay còn nợ là 10.000đ và tiền lãi tính đến ngày 17/9/2021 là 15.164.656đ. Ông Đ tiếp tục trả lãi cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản tiền vay theo sổ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng. Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án huyện G thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị M vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho bà M theo quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt người liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét giá trị pháp lý của hợp đồng tín dụng:

Năm 2015, Ngân hàng chính sách xã hội cấp sổ vay vốn số mã khách hàng 1403130302 cho ông Nguyễn Văn Đ. Sổ vay vốn này được xác định là hợp đồng tín dụng. Mỗi khoản vay phát sinh sẽ có sổ lưu từ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ kèm theo. Như vậy, Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản,

thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là NHCSXH Việt Nam – PGD G và bên vay là ông Nguyễn Văn Đ. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 16; Điều 17; Điều 24; Điều 25 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (*Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*) nên xác định là hợp pháp.

Trong quá trình vay đến tháng 7/2021, ông Đ đã thanh toán trả ngân hàng CSXH được nhiều lần tiền gốc và lãi của 02 khoản vay, hiện còn nợ 10 nghìn đồng tiền gốc và tiền lãi là 15.164.656đ của khoản vay ngày 24/6/2015. Như vậy xác định ông Đ có vay vốn 02 khoản là đúng, ông Đ đã thanh toán trả ngân hàng gốc và lãi của khoản vay ngày 12/2/2015 và hiện còn nợ số tiền gốc và lãi như nêu trên của khoản vay ngày 24/6/2015. Ông Đ không xuất trình được bằng chứng nào chứng minh ngân hàng miễn tiền lãi cho ông. Do vậy, cần buộc ông Đ có nghĩa vụ trả số tiền gốc còn nợ là 10 nghìn đồng và tiền lãi là 15.164.656đ cho ngân hàng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Theo tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện, người trực tiếp vay tiền và ký kết hợp đồng tín dụng là ông Nguyễn Văn Đ, tuy nhiên trong sổ vay vốn thể hiện người thừa kế là bà Vũ Thị M là vợ ông Đ. Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn Đ vay tiền theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường và tu sửa chuồng trại, nuôi bò nái phát triển kinh tế hộ gia đình vì vậy bà Vũ Thị M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với ông Nguyễn Văn Đ và có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Văn Đ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, khoản vay thứ nhất ông Đ sử dụng đúng mục đích vay và đã thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ với ngân hàng. Khoản vay thứ 2 ông Đ xác định vay để trả nợ giúp các hộ trong tổ, trong thôn của ông nên bà M và các con không biết. Bà M không phải là người ký sổ vay vốn. Như vậy xác định bà M không liên quan đến khoản vay thứ 2 nên không có nghĩa vụ phải cùng ông Đ trả nợ khoản vay này.

Các con ông Đ là anh Nguyễn Văn Đ1 và chị Đỗ Thị Thu H không biết khoản vay nợ của ông Đ, không ký vào văn bản ủy quyền cho ông Đ đại diện hộ gia đình vay vốn nên không liên quan đến vụ án. Do vậy tòa án đã không đưa anh Đ1, chị H vào tham gia tố tụng với vai trò là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Như vậy xác định trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam thuộc về cá nhân ông Đ.

[4]. Án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Đ là người cao tuổi, hiện là bệnh binh hạng 2/4 là đối tượng được miễn tiền án phí theo quy định tại điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên cần miễn án phí cho ông Đ.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, 472, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2, Điều 91 luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc còn nợ là 10.000đ và tiền lãi tính đến ngày 17/9/2021 là 15.164.656đ. Từ ngày 18/9/2021, ông Đ tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc còn nợ cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí: Miễn án phí cho ông Nguyễn Văn Đ.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA